

# ĐẠI CÁO BÌNH NGÔ

---

(Tiếp theo)

## Phần hai : TÁC PHẨM

### NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

#### I - NỘI DUNG

##### 1. Đặc điểm bài học

– *Đại cáo bình Ngô* đã được học trích đoạn ở lớp 8 THCS, với nhan đề *Nước Đại Việt ta* (trích đoạn từ đầu đến “chúng có còn ghi”). HS đã nắm được một số kiến thức về : đặc trưng cơ bản của thể cáo, hoàn cảnh ra đời của *Đại cáo bình Ngô*, nội dung tư tưởng nhân nghĩa và tư tưởng yêu nước độc lập dân tộc trong đoạn trích giảng. Vì vậy, GV cần trên cơ sở những kiến thức HS đã có để truyền thụ những kiến thức mới.

– Đây là văn bản dài, nội dung lớn, phong phú, chỉ học trong 2 tiết, vì vậy cần phải biết chọn lựa, giảng sâu những kiến thức trọng tâm, trọng điểm, biết phân bố thời gian một cách hợp lí.

– Văn bản có nhiều chú thích về từ ngữ, điển tích, điển cố. Cần lưu ý HS khi chuẩn bị bài ở nhà phải đọc chú thích để nắm được những từ ngữ khó, những điển tích, điển cố trong tác phẩm. Trên cơ sở HS đã tìm hiểu chữ nghĩa trong văn bản, GV giảng những vấn đề về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm.

##### 2. Trọng tâm bài học

a) *Đại cáo bình Ngô* gồm bốn đoạn, mỗi đoạn đều có trọng tâm, tất cả đều hướng tới tư tưởng chủ đạo, xuyên suốt là *tư tưởng nhân nghĩa gắn liền với yêu nước độc lập dân tộc*.

– Đoạn 1 (“Tùng nghe... Chúng có còn ghi”) : Khẳng định tư tưởng nhân nghĩa và chân lí độc lập dân tộc của Đại Việt (nhân nghĩa gắn liền với yêu nước chống xâm lược).

– Đoạn 2 (“Vừa rồi... Ai bảo thân nhân chịu được”) : Tố cáo, lên án tội ác giặc Minh.

– Đoạn 3 (“Ta đây... Cũng là chưa thấy xưa nay”) : Kể lại diễn biến của cuộc chiến từ mở đầu đến thắng lợi hoàn toàn, nêu cao sức mạnh của tư tưởng nhân nghĩa và sức mạnh của lòng yêu nước kết tinh thành sức mạnh của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

– Đoạn 4 (“Xã tắc từ đây vững bền... Ai nấy đều hay”) : Tuyên bố kháng chiến thắng lợi, rút ra bài học lịch sử.

b) Những thành công về nghệ thuật

– Nghệ thuật kết cấu : vận dụng sáng tạo kết cấu chung của thể cáo.

– Nghệ thuật lập luận : tư tưởng nhân nghĩa và độc lập dân tộc là cơ sở chân lí để triển khai lập luận ; lí lẽ luôn gắn liền với chứng minh bằng thực tiễn.

– Bút pháp nghệ thuật : sự kết hợp giữa bút pháp tự sự, trữ tình và bút pháp anh hùng ca.

– Hình ảnh giàu sức biểu cảm.

## II - PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

### 1. Phương pháp dạy học

a) Gọi cho HS nhớ lại những đặc trưng cơ bản của thể cáo đã được học ở lớp 8.

b) Xác định tư tưởng chủ đạo xuyên suốt toàn bộ nội dung bài cáo, sau đó phân tích theo kết cấu, cuối cùng khái quát lại giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

c) Phân tích bài *Đại cáo bình Ngô*

– Trước khi giảng, yêu cầu HS đọc diễn cảm văn bản *Đại cáo bình Ngô*. Hướng dẫn HS cách đọc thể hiện đúng nội dung và trạng thái tình cảm trong từng đoạn. Ví dụ : *Đoạn 1* nội dung là khẳng định tư tưởng nhân nghĩa và độc lập dân tộc, giọng đọc phải đĩnh đạc, trang trọng. *Đoạn 2* nội dung là tố cáo tội ác kẻ thù, giọng đọc phải đanh thép, thống thiết,...

– Trên cơ sở câu hỏi ở phần *Hướng dẫn học bài* của SGK, GV hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung, nghệ thuật từng đoạn văn sau đó chọn trọng tâm, trọng điểm để giảng, tránh sự dàn trải.

d) Khi cần thiết có thể so sánh giữa nguyên văn chữ Hán và bản dịch để từ đó làm nổi bật lên giá trị vốn có của bài cáo.

### 2. Tiến trình tổ chức dạy học

a) Hướng dẫn HS tìm hiểu hoàn cảnh và đặc trưng cơ bản của thể cáo (dựa vào *Tiểu dẫn* trong SGK).

b) Phân tích hiệu quả nghệ thuật nhan đề *Đại cáo bình Ngô*

Phần *Tiểu dẫn* trong SGK đã giải thích vì sao Nguyễn Trãi lại đặt nhan đề bài văn là *Đại cáo bình Ngô*, khi giảng, GV cần nhấn mạnh hiệu quả nghệ thuật của nhan đề :

– *Đại cáo* : không phải là bài cáo thường mà là bài đại cáo mang tính chất quốc gia trọng đại.

– Dùng từ *Ngô* để chỉ giặc Minh : gọi lên được sự khinh bỉ và lòng căm thù của nhân dân ta đối với giặc phương Bắc đã có từ ngàn xưa để rồi dồn lên đầu kẻ thù trước mắt là giặc Minh xâm lược.

c) Phân tích bài *Đại cáo bình Ngô* theo kết cấu

#### Phân tích đoạn 1

Nguyễn Trãi nêu nguyên lí chính nghĩa làm chỗ dựa, làm căn cứ xác đáng để triển khai toàn bộ nội dung *Đại cáo bình Ngô*.

Trong nguyên lí chính nghĩa của Nguyễn Trãi, có hai nội dung chính được nêu lên : *tư tưởng nhân nghĩa* và *chân lí* về sự tồn tại độc lập, có chủ quyền của nước Đại Việt.

*Tư tưởng nhân nghĩa* là tư tưởng có tính chất phổ biến được thời bấy giờ mặc nhiên thừa nhận. “Nhân nghĩa” được nhiều người giải thích ; cách nói, cách hiểu đôi khi khác nhau nhưng nhìn chung mọi người đều thừa nhận “nhân nghĩa” là mối quan hệ tốt đẹp giữa người với người trên cơ sở tình thương và đạo lí. “Nhân nghĩa” là “yên dân trừ bạo”, tức là tiêu trừ tham tàn bạo ngược, bảo vệ cuộc sống yên bình của người dân. Cần nhấn mạnh, Nguyễn Trãi đã biết chất lọc lấy cái hạt nhân cơ bản, tích cực nhất trong tư tưởng nhân nghĩa : chủ yếu để yên dân, trước nhất là trừ bạo.

Điều đáng nói hơn nữa là Nguyễn Trãi đã đem đến một nội dung mới, lấy ra từ thực tiễn dân tộc để đưa vào tư tưởng nhân nghĩa : *nhân nghĩa phải gắn liền với chống xâm lược*. Nội dung này trong quan niệm Khổng – Mạnh và Nho gia Trung Quốc hầu như ít thấy. Nhân nghĩa là chống xâm lược, chống xâm lược là nhân nghĩa, có như vậy mới bóc trần luận điệu nhân nghĩa xảo trá của địch, mới phân định rạch ròi ta là chính nghĩa, giặc xâm lược là phi nghĩa.

Dân tộc ta chiến đấu chống xâm lược là nhân nghĩa, là phù hợp với nguyên lí chính nghĩa thì sự tồn tại độc lập, có chủ quyền của dân tộc Việt Nam cũng là một chân lí khách quan phù hợp với nguyên lí đó.

Sau khi nêu tư tưởng nhân nghĩa, tác giả nêu *chân lí khách quan* về sự tồn tại độc lập, có chủ quyền của nước Đại Việt. Chân lí về sự tồn tại độc lập có chủ quyền của nước Đại Việt có cơ sở chắc chắn từ thực tiễn lịch sử. Bản dịch đã cố gắng lột tả tính chất *hiển nhiên, vốn có, lâu đời* của nước Đại Việt tồn tại độc lập bằng các từ : “từ trước”, “vốn xưng”, “đã lâu”, “đã chia”, “cũng khác” (nguyên văn : “duy ngã”, “thực vi”, “kí thù”, “diệc dị”).

Nguyễn Trãi đã đưa ra những yếu tố căn bản để xác định độc lập, chủ quyền của dân tộc : *cuong vực lãnh thổ, phong tục tập quán, nền văn hiến lâu đời*, và thêm nữa là *lịch sử riêng, chế độ riêng* với “hào kiệt đời nào cũng có”.

GV so sánh với bài thơ *Sông núi nước Nam* (HS đã học ở lớp 7) để thấy được ý thức độc lập dân tộc ở *Đại cáo bình Ngô* toàn diện và sâu sắc hơn. Toàn diện hơn vì ý thức độc lập dân tộc trong *Sông núi nước Nam* được xác định chủ yếu trên hai yếu tố : *lãnh thổ và chủ quyền*, còn đến *Đại cáo bình Ngô*, một số yếu tố nữa được bổ sung : *văn hiến, phong tục tập quán, lịch sử*... Sâu sắc hơn vì trong quan niệm về dân tộc, Nguyễn Trãi đã ý thức được *văn hiến, truyền thống lịch sử* là yếu tố cơ bản nhất, là hạt nhân để xác định dân tộc.

GV chú ý từ “đế” trong nguyên văn chữ Hán : “Các đế nhất phương”. Nhiều bản dịch trước đây dịch là “làm chủ”, “hùng cứ” nay đều bỏ, chỉ giữ chữ “đế” để giữ

nguyên giá trị của tác phẩm. “Hùng cứ” và “xung đế” là rất khác nhau về cả tính hợp pháp và quyền lực. “Đế” là vua thiên tử, duy nhất, toàn quyền.

Trong *Nam quốc sơn hà*, khẳng định “Nam đế”, tác giả nhằm mục đích đối lập với “Bắc đế”, phủ nhận tư tưởng “trời không có hai mặt trời, đất không có hai hoàng đế”. Mục đích đó dù sao cũng chưa phải được phát biểu bằng cách so sánh trực tiếp các triều đại giữa ta với Trung Quốc như Nguyễn Trãi đã làm. Lí do là phải đến thời Nguyễn Trãi, sau khi đã có bốn thế kỉ giành độc lập, sau khi đất nước đã có những triều đại tồn tại ngang hàng với các triều đại phương Bắc thì Nguyễn Trãi mới có đủ tiền đề lịch sử để so sánh, chứng minh. Lại nữa, tác giả *Nam quốc sơn hà* khẳng định độc lập, chủ quyền dân tộc đã dựa vào “thiên thu” còn Nguyễn Trãi dựa vào lịch sử. Đó là bước tiến của tư tưởng thời đại, nhưng đồng thời cũng là tầm cao của tư tưởng Úc Trai.

### Phân tích đoạn 2

Chỉ bằng mười hai cặp tứ lục gồm hai mươi bốn câu, tác giả đã viết nên một bản cáo trạng đanh thép tội ác của giặc Minh với một trình tự rất lôgic : vạch trần âm mưu xâm lược, lên án chủ trương cai trị thâm độc, tố cáo mạnh mẽ những hành động tội ác.

– Nguyễn Trãi chỉ rõ âm mưu cướp nước ta của giặc Minh, vạch trần luận điệu bịp bợm “phù Trần diệt Hồ” của chúng. Việc nhà Hồ cướp ngôi nhà Trần chỉ là một nguyên nhân – đúng hơn chỉ là một nguyên cơ để giặc Minh thừa cơ gây họa. Những từ “nhân”, “thừa cơ” trong bản dịch đã góp phần lột trần luận điệu giả nhân giả nghĩa của giặc. “Phù Trần diệt Hồ” chỉ là một cách “mượn gió bẻ măng”. Âm mưu thôn tính nước ta vốn có sẵn, có từ lâu trong đầu óc của “thiên triều”.

– Điều đáng lưu ý là khi vạch rõ âm mưu xâm lược của giặc Minh, Nguyễn Trãi đứng trên *lập trường dân tộc*, nhưng khi tố cáo chủ trương cai trị thâm độc và tội ác của giặc thì Nguyễn Trãi đứng trên *lập trường nhân bản*.

Ở *Đại cáo bình Ngô*, Nguyễn Trãi không tố cáo chủ trương đồng hoá của kẻ thù. Tác giả đi sâu tố cáo những chủ trương cai trị phản nhân đạo của giặc Minh : huỷ hoại cuộc sống con người bằng hành động diệt chủng, tàn sát người dân vô tội : “nướng dân đen”, “vùi con đỏ”, bằng sự huỷ hoại môi trường sống : “Nặng thuế khoá sạch không đầm núi”, “Tàn hại cả giống côn trùng cây cỏ”... Người dân vô tội trong tình cảnh bi đát đến cùng cực, không còn đường sống. Cái chết đợi họ trên rừng, cái chết đợi họ dưới biển, đúng như lời bài cáo : “chốn chốn lưới chăng”, “nơi nơi chàm đặt”.

Giảng đoạn văn Nguyễn Trãi tố cáo tội ác giặc Minh huỷ diệt môi trường tự nhiên, huỷ diệt môi trường sống, GV có thể kết hợp giáo dục môi trường cho HS (biết căm ghét những hành động huỷ diệt môi trường tự nhiên, môi trường sống) nhưng cần phải nhuần nhuyễn, tinh tế, tránh sự thô thiển.

– Nghệ thuật viết cáo trạng : dùng hình tượng để diễn tả tội ác kẻ thù :

*Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn,*

*Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ.*

Trước vô số tội ác của giặc Minh đối với nhân dân ta thời bấy giờ, Nguyễn Trãi đã khái quát lại trong hai hình tượng “nướng dân đen”, “vùi con đỏ”. Hình tượng này vừa diễn tả một cách rất thực tội ác man rợ kiêu trung cổ của giặc Minh, vừa mang tính khái quát có ý nghĩa khắc vào bia căm thù để muôn đời nguyên rửa quân xâm lược.

Đối lập với tình cảnh người dân vô tội là hình ảnh kẻ thù xâm lược : “Thằng há miệng, đứa nhe răng, máu mỡ bấy no nê chưa chán.”. Câu văn đã khắc hoạ bộ mặt quỷ sứ khát máu người của quân xâm lược.

Để diễn tả tội ác chất chồng của giặc, để nói lên khối căm hờn chất chứa của nhân dân ta, Nguyễn Trãi kết thúc bản cáo trạng bằng câu văn đầy hình tượng :

*Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội,  
Dơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa sạch mùi.*

Lấy cái vô hạn (trúc Nam Sơn) để nói cái vô hạn (tội ác của giặc), dùng cái vô cùng (nước Đông Hải) để nói cái vô cùng (sự nhơ bẩn của kẻ thù), câu văn đầy hình tượng và đanh thép đó đã cho ta cảm nhận sâu sắc tội ác : “Lẽ nào trời đất dung tha, – Ai bảo thần nhân chịu được ?” của giặc Minh xâm lược.

Lời văn trong bản cáo trạng đanh thép, thống thiết : khi uất hận trào sôi, khi cảm thương tha thiết, lúc muốn thét thật to, lúc nghẹn ngào, tấm tức,... cùng một lúc diễn tả được những biểu hiện khác nhau nhưng luôn gắn bó với nhau trong tâm trạng, tình cảm con người.

Đứng trên lập trường nhân bản, hơn nữa đứng về quyền sống của người dân vô tội để tố cáo, lên án giặc Minh, *Đại cáo bình Ngô* chứa đựng những yếu tố của bản tuyên ngôn nhân quyền.

### **Phân tích đoạn 3**

Đây là đoạn văn dài nhất bài cáo, có ý nghĩa như bản hùng ca về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Đoạn này chia làm hai phần tương ứng với hai giai đoạn của cuộc khởi nghĩa. GV cần thấy được sự khác nhau trong bút pháp nghệ thuật giữa hai phần.

– *Phản ánh giai đoạn đầu của cuộc khởi nghĩa, tác giả chủ yếu tập trung khắc hoạ hình tượng Lê Lợi, chủ yếu là hình tượng tâm lí với bút pháp trữ tình kết hợp với tự sự.* Đây quả là vấn đề có ý đồ nghệ thuật : qua hình tượng một con người mà khắc hoạ được những khó khăn gian khổ và ý chí quyết tâm của toàn dân tộc.

– Trong hình tượng Lê Lợi có sự thống nhất giữa con người bình thường và lãnh tụ cuộc khởi nghĩa : bình thường từ nguồn gốc xuất thân (“chốn hoang dã nương mình”), đến cách xưng hô khiêm nhường (đại từ “du” với nghĩa là “tôi”, “ta”, chưa phải là “trẫm” như sau này). Nhưng Lê Lợi là người có lòng căm thù giặc sâu sắc (“há đội trời chung”, “thề không cùng sống”), có lí tưởng hoài bão lớn (“Tấm lòng cứu nước, vẫn đăm đăm muốn tiến về đông”), có quyết tâm cao thực hiện lí tưởng (“đau lòng nhức óc”, “quên ăn vì giận” ; “Những trần trọc trong con mộng寐, – Chỉ bản khoán một nỗi đồ hồi”). Lê Lợi là người anh hùng áo vải xuất thân từ nhân dân.

GV có thể gợi ý để HS so sánh nỗi lòng của Lê Lợi với nỗi lòng Trần Quốc Tuấn trong *Hịch tướng sĩ* mà các em đã được học ở lớp 8 : cùng căm giận trào sôi (Trần Quốc Tuấn “ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa”, Lê Lợi “đau lòng nhức óc”); cùng nuôi chí lớn (Trần Quốc Tuấn “tối bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối”, Lê Lợi “ném mật nằm gai... quên ăn vì giận”); cùng một quyết tâm sắt đá (Trần Quốc Tuấn “dầu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ...”, Lê Lợi “những trần trọc trong cơn mộng mị,...”). Lê Lợi là anh hùng kiểu Trần Quốc Tuấn. Chính cảm hứng về truyền thống dân tộc đã giúp Nguyễn Trãi khắc họa thành công hình tượng người anh hùng Lê Lợi.

– Qua hình tượng Lê Lợi, tác giả nói lên được tính chất nhân dân của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn vượt qua gian khổ, khó khăn và sức mạnh chiến thắng. “Vừa khi cờ nghĩa dấy lên, chính lúc quân thù đương mạnh”, Lê Lợi cùng nghĩa quân phải vượt qua muôn ngàn khó khăn gian khổ : thiếu nhân tài, thiếu quân, thiếu lương, nhưng nhờ “tấm lòng cứu nước”, nhờ “gắng chí khắc phục gian nan” và nhất là nhờ “nhân dân bốn cõi một nhà”, nhờ “tướng sĩ một lòng phụ tử”, cuộc khởi nghĩa đã vượt qua khó khăn buổi đầu để đi đến tổng phản công giành thắng lợi.

GV nhấn mạnh : Trong bản tuyên ngôn độc lập lịch sử này, Nguyễn Trãi đã tuyên ngôn về vai trò và sức mạnh của người dân – những người *manh lệ* (*manh* : người dân cày lưu tán, *lệ* : người tôi tớ, đi ở) :

*Yết can vì kì, manh lệ chi đồ tứ tập*

*Đầu giao hưởng sĩ, phụ tử chi binh nhất tâm.*

Đó là một tư tưởng lớn. Mãi sau này phải đến Nguyễn Đình Chiểu mới lại thấy xuất hiện những người dân ấp, dân lân ở *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*. Trong một bản tuyên ngôn trọng đại như *Đại cáo bình Ngô*, những người *manh lệ* được nói đến một cách công khai, trang trọng như vậy “cũng là chưa thấy xưa nay”.

– Phản ánh giai đoạn hai của cuộc khởi nghĩa, tác giả *dựng lên bức tranh toàn cảnh cuộc khởi nghĩa Lam Sơn với bút pháp nghệ thuật đậm chất anh hùng ca*. Từ hình tượng đến ngôn ngữ, từ màu sắc đến âm thanh nhịp điệu, tất cả đều mang đặc điểm của bút pháp anh hùng ca. Những hình tượng phong phú, đa dạng, đo bằng sự lớn rộng, kì vĩ của thiên nhiên : chiến thắng của ta : “sấm vang chớp giật”, “trúc chẻ tro bay”, “sạch không kinh ngạc”, “tan tác chim muông”, “trút sạch lá khô”, “phá toang đê vỡ”, sức mạnh của ta : “đá núi cũng mòn”, “nước sông phải cạn”. Thất bại của địch : “máu chảy thành sông”, “máu trôi đỏ nước”, “thây chất đầy nội”, “thây chất đầy đường”. Khung cảnh chiến trường : “sắc phong vân phải đổi”, “ánh nhật nguyệt phải mờ”. Về mặt ngôn ngữ, trong nguyên văn cũng như bản dịch, các *động từ mạnh* liên kết với nhau thành những chuyển rung dồn dập, dữ dội. Các *tính từ chỉ mức độ ở điểm tối đa* tạo thành hai mảng trắng, đen đối lập, thể hiện khí thế chiến thắng của ta và sự thất bại của địch. Câu văn khi dài, khi ngắn, biến hoá linh hoạt trên nền chung là *nhạc điệu* dồn dập, sáng khoái. *Âm thanh* giòn giã, hào hùng, như sóng trào, bão cuốn. Đó là nhịp của triều dâng, sóng dậy, hết lớp này đến lớp khác :

*Ngày mười tám...*

*Ngày hai mươi...*

*Ngày hăm lăm...*

*Ngày hăm tám...*

Đó là nhịp của gió lay, bão giạt, hết trận này đến trận khác :

*Guom mài đá, / đá núi cũng mòn,*

*Voi uống nước, / nước sông phải cạn.*

*Đánh một trận, / sạch không kình ngạc,*

*Đánh hai trận, / tan tác chim muông.*

– Xen giữa bản hùng ca về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn là hình ảnh kẻ thù xâm lược. Mỗi tên một vẻ, mỗi đứa một cảnh nhưng đều giống nhau ở một điểm : ham sống sợ chết đến hèn nhát. Nguyễn Trãi đã sử dụng từ ngữ một cách sinh động để biểu hiện từng thái độ, tâm trạng khác nhau của chúng.

Hình tượng kẻ thù thảm hại, nhục nhã càng tôn thêm khí thế hào hùng của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Đồng thời qua hình tượng kẻ thù hèn nhát và được tha tội chết, được tạo điều kiện để sống (đúng là “dĩ chí nhân địch cường bạo”), Nguyễn Trãi càng làm nổi bật tính chất chính nghĩa, nhân đạo sáng ngời của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

#### **Phân tích đoạn 4**

– Trong lời kết thúc bài *Đại cáo bình Ngô*, quan Thừa chỉ Nguyễn Trãi thay Lê Lợi trình trọng và vui mừng truyền đi lời tuyên bố nền độc lập của dân tộc đã được lập lại : “Xã tắc từ đây vững bền... Ngàn thu vết nhục nhã sạch lâu”.

– Tác giả rút ra bài học lịch sử : sự thay đổi nhưng thực chất là sự phục hưng (“bĩ rồi lại thái”, “hối rồi lại minh”) là nguyên nhân, là điều kiện để thiết lập sự vững bền. Trong sáu câu, có hai câu nói tới sự vững bền (“Xã tắc từ đây vững bền”, “Muôn thuở nền thái bình vững chắc”) và bốn câu nói tới sự thay đổi. Sự vững bền xây dựng trên cơ sở đã phục hưng dân tộc, cho nên viễn cảnh của đất nước hiện ra thật tươi sáng, huy hoàng ; “Bốn phương biển cả thanh bình, ban chiếu duy tân khắp chốn”.

– Sự kết hợp giữa sức mạnh truyền thống và sức mạnh thời đại : có hiện thực hôm nay và tương lai ngày mai là bởi “nhờ trời đất tổ tông khôn thiêng ngầm giúp đỡ”, nhờ có chiến công trong quá khứ : “Một cỗ nhung y chiến thắng, nên công oanh liệt ngàn năm”.

Trong lời tuyên bố kết thúc chiến tranh, cảm hứng về độc lập dân tộc và tương lai đất nước đã hoà quyện với niềm tin về quy luật vận động của thế giới từ “bĩ” sang “thái” hướng tới sự sáng tươi, phát triển, khác hoạ quyết tâm của nhân dân Đại Việt xây dựng nền thái bình vững chắc.

d) GV tổng kết lại những vấn đề lớn về nội dung và nghệ thuật của *Đại cáo bình Ngô*.

e) Cùng cố bài học, GV nhấn mạnh :

– *Đại cáo bình Ngô* là bản tuyên ngôn độc lập của dân tộc ta ở thế kỉ XV.

– *Đại cáo bình Ngô* là áng “thiên cổ hùng văn” có sự kết hợp hài hoà giữa yếu tố chính luận và yếu tố văn chương.

### III - KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ - GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

– GV hướng dẫn HS trao đổi, lập sơ đồ kết cấu của *Đại cáo bình Ngô* :



– Kết cấu trên của *Đại cáo bình Ngô* là điển hình cho kết cấu của văn chính luận : trước hết, nêu tiền đề có tính chân lí làm cơ sở để lập luận. Tiếp đến, soi sáng tiền đề vào thực tiễn, chỉ rõ đâu là phi nghĩa để tố cáo, lên án, đâu là chính nghĩa để khẳng định, ngợi ca. Cuối cùng, rút ra kết luận trên cơ sở tiền đề và thực tiễn.

### IV - TÀI LIỆU THAM KHẢO

*Nguyễn Trãi – về tác gia và tác phẩm*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999.  
(Đọc những bài viết về *Đại cáo bình Ngô*.)